

Số: /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt danh mục nhiệm vụ  
khoa học và công nghệ cấp tỉnh thực hiện đợt 1 năm 2022**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương sửa đổi, bổ sung ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;*

*Căn cứ Quyết định số 40/2020/QĐ-UBND ngày 27/11/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc ban hành Quy định quản lý, tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Bắc Giang;*

*Căn cứ Thông báo số 614-TB/TU ngày 02/11/2021 của Thường trực Tỉnh ủy về chủ trương danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh thực hiện đợt 1 năm 2022;*

*Theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 84/TTr-KHCN ngày 08/11/2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt danh mục 11 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh thực hiện đợt 1 năm 2022 (có danh mục chi tiết kèm theo).

**Điều 2.** Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các tổ chức, cá nhân có liên quan tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có tên trong danh mục tại Điều 1 theo quy định hiện hành.

**Điều 3.** Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: LĐVP, TKCT, TH;
- Lưu VT, KGVX.Trang.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Mai Sơn**

**Phụ lục**  
**DANH MỤC NHIỆM VỤ KH&CN CẤP TỈNH THỰC HIỆN ĐỢT 1 NĂM 2022**  
*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /11/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang)*

TT	Tên nhiệm vụ	Hình thức thực hiện	Định hướng mục tiêu/Dự kiến nội dung	Yêu cầu đối với kết quả	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí NSNN tối đa (Triệu đồng)
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực khoa học tự nhiên; khoa học kỹ thuật và công nghệ</b>					
1	<b>Đề tài:</b> Nghiên cứu xử lý tồn dư thuốc bảo vệ thực vật trong đất trồng cây ăn quả tại huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang	Giao trực tiếp Viện Khoa học Sự sống - Đại Học Thái Nguyên	<p><b>* Mục tiêu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá tình hình sử dụng thuốc BVTV, thực trạng tồn dư thuốc BVTV về hoạt chất và hàm lượng đến môi trường vùng trồng cây ăn quả các xã Phúc Hòa, Hợp Đức và Liên Sơn huyện Tân Yên.</li> <li>- Lựa chọn được 6 chủng vi khuẩn đất trong bộ chủng giống đang lưu giữ, có khả năng phân hủy mạnh tồn dư thuốc BVTV trong đất thuộc 05 hoạt chất chính (nhóm lân, clo, carbamate và pyrethroid...).</li> <li>- Tạo được chế phẩm vi sinh có khả năng phân hủy dư lượng thuốc BVTV trong đất trồng cây ăn quả, chứa mật độ mỗi loại vi khuẩn hữu ích <math>\geq 10^8</math> CFU/g và bảo quản được trong 12 tháng ở nhiệt độ phòng.</li> <li>- Xây dựng được 06 mô hình xử lý tồn dư</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo phân tích thực trạng về tồn dư thuốc BVTV trong môi trường vùng trồng cây ăn quả tại xã Phúc Hòa, Hợp Đức và Liên Sơn, huyện Tân Yên.</li> <li>- 02 tấn chế phẩm vi sinh xử lý dư lượng thuốc BVTV trong đất với vi khuẩn hữu ích <math>\geq 10^8</math> CFU/g và bảo quản được trong 12 tháng ở nhiệt độ phòng.</li> <li>- 06 mô hình xử lý tồn dư thuốc BVTV trong đất trồng cây ăn quả tại xã Phúc Hòa và Hợp Đức, huyện Tân Yên (03 mô hình cho mỗi xã, 01ha cho mỗi loại cây ăn quả/xã; tổng diện tích các mô hình 06ha) với hiệu suất phân giải đạt</li> </ul>	24 tháng	3.500

		<p>hoạt chất BVTV chính trong đất trồng cây vải, ổi và bưởi tại xã Phúc Hòa và Hợp Đức huyện Tân Yên với hiệu suất phân hủy đạt 80% (03 mô hình cho mỗi xã, 01 ha cho mỗi loại cây ăn quả/xã; tổng diện tích các mô hình 06 ha).</p> <p><b>* Nội dung:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khảo sát thực trạng tồn dư thuốc BVTV trong môi trường một số vùng trồng trồng cây ăn quả.</li> <li>- Nghiên cứu mẫu đất trước khi xử lý và sau khi xử lý vi khuẩn phân hủy, để đánh giá hiệu quả sử dụng</li> <li>- Tuyển chọn chủng giống vi khuẩn có khả năng phân hủy mạnh 05 hoạt chất BVTV tồn dư chính trong đất (nhóm lân, clo, carbamate và pyrethroid). Tuyển chọn 06 chủng vi khuẩn (trong tổng số 30 chủng vi khuẩn tiềm năng) có khả năng phân hủy mạnh 05 loại hoạt chất BVTV tồn dư chính trong đất trồng cây ăn quả, 05 loại hoạt chất BVTV tồn dư chính trong đất.</li> <li>- Sản xuất 02 tấn chế phẩm vi sinh xử lý dư lượng thuốc BVTV trong đất trồng cây ăn quả, có mật độ mỗi chủng vi khuẩn hữu ích <math>\geq 10^8</math> CFU/g, có khả năng phân hủy 80% dư lượng của 05 hoạt chất BVTV tồn dư chính trong đất trồng cây ăn quả trong vòng 12 tháng và bảo quản được trong 12 tháng ở nhiệt độ phòng.</li> <li>- Xây dựng 06 mô hình (có đối chứng) xử lý</li> </ul>	<p>80%.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 01 quy trình sản xuất chế phẩm vi sinh xử lý tồn dư thuốc BVTV trong đất trồng cây ăn quả.</li> <li>- Đề xuất giải pháp nhằm giảm thiểu tác hại của thuốc BVTV đối với môi trường và sức khỏe người dân vùng trồng cây ăn quả huyện Tân Yên bằng chế phẩm vi sinh.</li> <li>- Các chuyên đề nghiên cứu khoa học.</li> <li>- 01 bài báo khoa học đăng tải trên tạp chí uy tín Quốc gia.</li> <li>- Kỷ yếu hội thảo khoa học.</li> <li>- Tập huấn kỹ thuật sử dụng chế phẩm vi sinh xử lý tồn dư thuốc BVTV trong đất trồng cây ăn quả.</li> <li>- Các sản phẩm khác: Mẫu phiếu điều tra; phiếu điều tra; phiếu kết quả phân tích 150 mẫu đất, 150 mẫu nước mặt và 150 mẫu nước ngầm.</li> <li>- Báo cáo kết quả đề tài (Báo cáo tổng hợp và Báo cáo tóm tắt)</li> </ul>		
--	--	---	---	--	--

			<p>tồn dư thuốc BVTV trong đất trồng cây ăn quả bằng chế phẩm vi sinh.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn thiện quy trình sản xuất chế phẩm vi sinh xử lý tồn dư thuốc BVTV trong đất trồng cây ăn quả.</li> <li>- Tổ chức hội thảo khoa học, hội nghị tập huấn, đào tạo kỹ thuật viên.</li> </ul>			
2	<p><b>Dự án:</b> Ứng dụng khoa học và công nghệ xây dựng mô hình bảo quản và chế biến một số sản phẩm từ nấm ăn theo chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh Bắc Giang</p>	<p>Giao trực tiếp cho CTCP Tư vấn Xây dựng và Thương mại Toàn Cương</p>	<p><b>* Mục tiêu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng mô hình bảo quản nấm và các sản phẩm từ nấm.</li> <li>- Tiếp nhận và hoàn thiện 05 quy trình sản xuất các sản phẩm nấm chế biến (pate nấm, giò nấm, sốt nấm, bột nấm, bánh phồng nấm).</li> <li>- Xây dựng mô hình công nghệ, chế biến các sản phẩm từ nấm: pate nấm, giò nấm, sốt nấm, bột nấm quy mô 300 kg nguyên liệu/ngày và bánh phồng nấm quy mô 30 kg thành phẩm/ngày.</li> <li>- Mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm nấm chế biến.</li> </ul> <p><b>* Nội dung:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khảo sát hiện trạng vùng nguyên liệu tại địa bàn triển khai thực hiện dự án, xây dựng vùng nguyên liệu phục vụ chế biến các sản phẩm từ nấm.</li> <li>- Xây dựng mô hình bảo quản nấm và các sản phẩm từ nấm.</li> <li>- Hoàn thiện 05 quy trình sản xuất các sản phẩm nấm chế biến (Pate nấm, giò nấm, sốt nấm, bột nấm bánh phồng nấm).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mô hình bảo quản nấm và các sản phẩm từ nấm.</li> <li>- 05 quy trình kỹ thuật chế biến các sản phẩm từ nấm: pate nấm, giò nấm, sốt nấm, bột nấm quy mô 300 kg nguyên liệu/ngày, bánh phồng nấm quy mô 30 kg thành phẩm/ngày</li> <li>- Mô hình công nghệ, thiết bị sản xuất các sản phẩm từ nấm: pate nấm, giò nấm, sốt nấm, bột nấm quy mô 300 kg nguyên liệu/ngày và bánh phồng nấm quy mô 30 kg thành phẩm/ngày.</li> <li>- Mô hình chế biến các sản phẩm từ nấm: pate nấm, giò nấm, sốt nấm, bột nấm quy mô 300 kg nguyên liệu/ngày.</li> <li>- Các sản phẩm nấm chế biến: + Pate nấm: số lượng 03 tấn thành phẩm, hàm lượng protein <math>\geq 2\%</math>, muối 1-3%, độ ẩm <math>\geq 65\%</math>, đáp ứng chỉ tiêu an toàn</li> </ul>	24 tháng	2.500

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng mô hình công nghệ, thiết bị sản xuất chế biến các sản phẩm từ nấm (Pate nấm, giò nấm, sốt nấm, bột nấm qui mô 300kg nguyên liệu/ngày và bánh phòng nấm qui mô 30kg thành phẩm/ngày).</li> <li>- Xây dựng và công bố Tiêu chuẩn cơ sở, bộ nhận diện sản phẩm cho các sản phẩm nấm chế biến (giò nấm, pate nấm, bột nấm, sốt nấm, bánh phòng nấm).</li> <li>- Thương mại hóa các sản phẩm nấm chế biến (giò nấm, pate nấm, bột nấm, sốt nấm, bánh phòng nấm). Xây dựng mô hình chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm.</li> </ul>	<p>thực phẩm.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giò nấm: số lượng 03 tấn thành phẩm, hàm lượng protein <math>\geq 2\%</math>, muối 1-3%, độ ẩm <math>\geq 65\%</math>, đáp ứng chỉ tiêu an toàn thực phẩm.</li> <li>+ Sốt nấm: số lượng 03 tấn thành phẩm, hàm lượng protein <math>\geq 2\%</math>, muối 1-3%, độ ẩm <math>\geq 75\%</math>, đáp ứng chỉ tiêu an toàn thực phẩm.</li> <li>+ Bột nấm: số lượng 3 tấn thành phẩm, hàm lượng protein <math>\geq 6\%</math>, lipit <math>\leq 5\%</math>, độ ẩm <math>\leq 10\%</math>, đáp ứng chỉ tiêu an toàn thực phẩm.</li> <li>+ Bánh phòng nấm: số lượng 1 tấn thành phẩm, độ ẩm <math>&lt; 15\%</math>, protein <math>&gt; 1\%</math>, hàm lượng muối <math>&lt; 3\%</math>, đáp ứng chỉ tiêu an toàn thực phẩm.</li> </ul> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiêu chuẩn cơ sở cho các sản phẩm nấm chế biến.</li> <li>- Bộ nhận diện thương hiệu sản phẩm nấm chế biến.</li> <li>- Mô hình chuỗi liên kết tiêu thụ các sản phẩm được chế biến từ nấm.</li> <li>- Đào tạo tập huấn kỹ thuật.</li> <li>- Phiếu điều tra khảo sát, báo cáo điều tra.</li> </ul>		
--	--	---	---	--	--

				- Báo cáo kết quả dự án (Báo cáo tổng hợp và Báo cáo tóm tắt)		
3	<b>Dự án:</b> Ứng dụng khoa học và công nghệ để sản xuất keo nhiệt rắn MUF-E1.M13 chất lượng cao dùng cho sản xuất ván gỗ dán đáp ứng nhu cầu xuất khẩu trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	Giao trực tiếp Viện Nghiên cứu Công nghiệp Rừng	<p><b>* Mục tiêu</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn thiện quy trình sản xuất keo nhiệt rắn MUF để sản xuất ván gỗ dán đạt tiêu chuẩn CARB P2/E0- F*** cho doanh nghiệp sản xuất ván gỗ dán trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.</li> <li>- Chuyển giao công nghệ sản xuất keo nhiệt rắn MUF-E1.M13 (dùng cho sản xuất ván gỗ dán đạt tiêu chuẩn E1) và MUF (dùng cho sản xuất ván gỗ dán đạt tiêu chuẩn CARB/E0- F***).</li> <li>- Xây dựng mô hình sản xuất keo nhiệt rắn công suất đạt 3.000 tấn/năm, sản xuất được 200 tấn keo MUF-E1.M13 (dùng cho sản xuất ván gỗ dán đạt tiêu chuẩn E1) và MUF (dùng cho sản xuất ván gỗ dán đạt tiêu chuẩn CARB/E0- F***) tại Công ty Cổ phần Vật liệu mới Hoàn Kiếm- Chi nhánh Bắc Giang.</li> <li>- Xây dựng mô hình sản xuất ván gỗ dán (công suất nhà máy 10.000 m<sup>3</sup> ván gỗ dán/năm) sử dụng 200 tấn keo của dự án, sản xuất được tối thiểu 1.000 m<sup>3</sup> ván gỗ dán đạt tiêu chuẩn E1 và CARB P2 /E0- F***.</li> </ul> <p><b>* Nội dung</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn thiện quy trình sản xuất keo nhiệt rắn MUF để sản xuất ván gỗ dán đạt tiêu</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 01 quy trình sản xuất keo nhiệt rắn MUF (dùng cho sản xuất ván gỗ dán đạt tiêu chuẩn CARB/E0- F***).</li> <li>- 01 Hệ thống thiết bị bán tự động sản xuất keo nhiệt rắn MUF-E1.M13 (dùng cho sản xuất ván gỗ dán đạt tiêu chuẩn E1) và MUF (dùng cho sản xuất ván gỗ dán đạt tiêu chuẩn CARB/E0- F***) công suất 10.000kg/m<sup>3</sup>.</li> <li>- Mô hình sản xuất keo nhiệt rắn với công suất đạt 3.000 tấn/năm, sản xuất được 200 tấn keo MUF-E1.M13 (dùng cho sản xuất ván gỗ dán đạt tiêu chuẩn E1) và MUF (dùng cho sản xuất ván gỗ dán đạt tiêu chuẩn CARB/E0- F***) tại Công ty Cổ phần Vật liệu mới Hoàn Kiếm- Chi nhánh Bắc Giang.</li> <li>- Mô hình sản xuất ván gỗ dán (công suất nhà máy 10.000 m<sup>3</sup> ván gỗ dán/năm) sản xuất được tối thiểu 1.000 m<sup>3</sup> ván gỗ dán đạt tiêu chuẩn E1 và</li> </ul>	30 tháng	2.950

		<p>chuẩn CARB P2/E0– F*** cho doanh nghiệp sản xuất ván dán trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuyển giao công nghệ sản xuất keo nhiệt rắn MUF-E1.M13 (dùng cho sản xuất ván gỗ dán đạt tiêu chuẩn E1) và MUF (dùng cho sản xuất ván gỗ dán đạt tiêu chuẩn CARB/E0– F***) cho Công ty Cổ phần Vật liệu mới Hoàn Kiếm- Chi nhánh Bắc Giang.</li> <li>- Xây dựng mô hình sản xuất keo nhiệt rắn với công suất nhà máy 3.000 tấn/năm, sản xuất được 200 tấn keo MUF-E1.M13 (dùng cho sản xuất ván gỗ dán đạt tiêu chuẩn E1) và MUF (dùng cho sản xuất ván gỗ dán đạt tiêu chuẩn CARB/E0– F***) tại Công ty Cổ phần Vật liệu mới Hoàn Kiếm- Chi nhánh Bắc Giang.</li> <li>- Xây dựng mô hình sản xuất ván gỗ dán (công suất nhà máy 10.000 m<sup>3</sup> ván gỗ dán/năm) sử dụng 200 tấn keo của dự án, sản xuất được tối thiểu 1.000 m<sup>3</sup> ván gỗ dán đạt tiêu chuẩn E1 và CARB P2/E0-F*** tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Hưng Thịnh - Bắc Giang.</li> <li>- Đào tạo 05 kỹ thuật viên về kỹ thuật keo nhiệt rắn MUF-E1.M13 (dùng cho sản xuất ván gỗ dán đạt tiêu chuẩn E1) và MUF (dùng cho sản xuất ván gỗ dán đạt tiêu chuẩn CARB/E0– F***) .</li> <li>- Tổ chức 01 hội thảo khoa học.</li> </ul>	<p>CARB/E0-F*** sử dụng sản phẩm keo của dự án tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Hưng Thịnh - Bắc Giang.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đào tạo 05 kỹ thuật viên về kỹ thuật sản xuất keo nhiệt rắn MUF-E1.M13 (dùng cho sản xuất ván gỗ dán đạt tiêu chuẩn E1) và MUF (dùng cho sản xuất ván gỗ dán đạt tiêu chuẩn CARB/E0– F***) .</li> <li>- Hồ sơ 01 hội thảo khoa học.</li> <li>- Báo cáo kết quả thực hiện dự án (Báo cáo tổng hợp và Báo cáo tóm tắt).</li> </ul>		
--	--	---	---	--	--

<b>II Lĩnh vực khoa học nông nghiệp</b>						
4	<b>Đề tài:</b> Nghiên cứu, khảo nghiệm các dòng lúa thuần mới có năng suất cao, chất lượng tốt phù hợp với các vùng sản xuất và sinh thái của tỉnh Bắc Giang	Giao trực tiếp cho CTCP giống cây trồng Bắc Giang	<p><b>* Mục tiêu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu, chọn lọc, đánh giá, và thực hiện khảo nghiệm nhằm lựa chọn được 2 dòng lúa thuần có năng suất cao hơn giống đối chứng (giống trồng đại trà tại địa phương) &gt; 10% và có chất lượng gạo tốt phù hợp tiêu thụ trong nước và hướng tới xuất khẩu.</li> <li>- Xây dựng quy trình kỹ thuật sản xuất cho 02 dòng lúa thuần mới.</li> <li>- Xây dựng mô hình trình diễn, sản xuất thử nghiệm dòng lúa thuần mới với diện tích là 33 ha trên địa bàn 05 huyện: Lạng Giang, Yên Dũng, Việt Yên, Tân Yên, Lục Nam và tại CTCP Giống cây trồng Bắc Giang.</li> </ul> <p><b>* Nội dung:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khảo nghiệm tác giả (2 vụ năm 2022): Tiến hành khảo nghiệm 50 dòng trong 2 vụ (từ tháng 01/2022 - 12/2022), thực hiện theo phương pháp khảo nghiệm cơ bản với diện tích 0,5 ha. Lựa chọn lấy 05 dòng có triển vọng nhất.</li> <li>- Khảo nghiệm sản xuất để đánh giá sự thích ứng của dòng mới ở các vùng sinh thái (2 vụ năm 2023): Lựa chọn 05 giống có triển vọng từ kết quả của khảo nghiệm tác giả tại CTCP Giống cây trồng Bắc Giang, tiến hành 2 vụ liên tiếp năm 2023 với mỗi giống 1000 m<sup>2</sup>/1 điểm cho 01 dòng mới, mỗi huyện 1 điểm,</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá, khảo nghiệm, lựa chọn thành công 2 dòng lúa thuần có năng suất cao hơn giống đối chứng (giống trồng đại trà tại địa phương) &gt; 10% và có chất lượng gạo tốt (nhóm giống lúa chất lượng), phù hợp với các vùng sản xuất và sinh thái của tỉnh Bắc Giang, được tham gia vào hệ thống khảo nghiệm Quốc gia và được đánh giá là các giống lúa có triển vọng.</li> <li>- Quy trình kỹ thuật cho 02 giống lúa thuần mới.</li> <li>- Các chuyên đề nghiên cứu khoa học.</li> <li>- Mô hình khảo nghiệm, sản xuất dòng lúa thuần mới với diện tích là 33 ha.</li> <li>- Hội thảo, tập huấn, hội nghị đầu bờ.</li> <li>- Báo cáo kết quả đề tài (Báo cáo tổng hợp và Báo cáo tóm tắt).</li> </ul>	36 tháng	900



			<p>bao gồm 05 huyện: Lạng Giang, Yên Dũng, Việt Yên, Tân Yên và Lục Nam. Tổng diện tích là 2,5 ha. Kết quả khảo nghiệm sản xuất lựa chọn được 02 dòng/giống mới đáp ứng yêu cầu.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng mô hình trình diễn, sản xuất thử 02 dòng lúa thuần mới với tổng diện tích là 30 ha trên địa bàn 05 huyện: Lạng Giang, Yên Dũng, Việt Yên, Tân Yên và Lục Nam (2 vụ trong năm 2024).</li> <li>- Xây dựng quy trình kỹ thuật sản xuất cho 02 giống lúa thuần mới</li> <li>- Xây dựng các chuyên đề nghiên cứu khoa học.</li> <li>- Thực hiện duy trì hạt giống tác giả, siêu nguyên chủng (năm 2024) với những giống triển vọng: Thực hiện trên các giống được chọn để khảo nghiệm Quốc Gia</li> <li>- Tổ chức hội thảo khoa học, tập huấn, hội nghị đầu bờ</li> <li>- Thực hiện trên các dòng được đánh giá tốt và được lựa chọn đồng thời được đưa vào khảo nghiệm DUS, VCU trong hệ thống khảo nghiệm Quốc Gia và được đánh giá là các giống lúa có triển vọng (năng suất cao hơn giống đối chứng cùng nhóm 5-10%).</li> </ul>			
5	<p><b>Dự án:</b> Ứng dụng khoa học và công nghệ xây dựng mô hình sản xuất một số giống</p>	Tuyển chọn	<p><b>* Mục tiêu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng thành công mô hình trồng mới và ghép cải tạo các giống bưởi (bưởi Thờ, bưởi đường Xuân Vân, bưởi Luận Văn) với quy mô 18 ha tại 03 huyện: Yên Thế, Lục Ngạn,</li> </ul>	- 09 ha mô hình trồng mới các giống bưởi (bưởi Thờ, bưởi đường Xuân Vân, bưởi Luận Văn) cây sinh trưởng phát triển tốt, tỷ lệ sống đạt > 90% năng	36 tháng	1.800

	<p>bưởi chất lượng, rải vụ theo hướng hữu cơ tại Bắc Giang.</p>	<p>Hiệp Hòa.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn thiện quy trình trồng mới và quy trình ghép cải tạo một số giống bưởi (bưởi Thờ, bưởi đường Xuân Vân, bưởi Luận Vãn).</li> <li><b>* Nội dung:</b></li> <li>- Xây dựng thành công mô hình trồng mới các giống bưởi (bưởi Thờ, bưởi đường Xuân Vân, bưởi Luận Vãn) với quy mô 09 ha tại 03 huyện: Yên Thế, Lục Ngạn và Hiệp Hòa (mỗi huyện 01 ha); cây sinh trưởng, phát triển tốt, tỷ lệ sống đạt &gt;90%, năng suất cao hơn so với giống bưởi đang trồng đại trà &gt;10%. Áp dụng các biện pháp canh tác hữu cơ (tưới, phân bón, thụ phấn, bao quả).</li> <li>- Xây dựng thành công mô hình ghép cải tạo các giống bưởi (bưởi Thờ, bưởi đường Xuân Vân, bưởi Luận Vãn) với quy mô 09 ha tại 03 huyện: Yên Thế, Lục Ngạn và Hiệp Hòa (mỗi huyện 01 ha) cây sinh trưởng, phát triển tốt, tỷ lệ ghép thành công &gt; 80%, năng suất cao hơn so với giống bưởi đang trồng đại trà &gt; 10%. Áp dụng các biện pháp canh tác hữu cơ (tưới, phân bón, thụ phấn, bao quả).</li> <li>- Đánh giá khả năng sinh trưởng, phát triển, năng suất, chất lượng, khả năng chống chịu sâu bệnh gây hại của các giống bưởi mới.</li> <li>- Hoàn thiện quy trình trồng mới và quy trình ghép cải tạo một số giống bưởi (bưởi Thờ, bưởi đường Xuân Vân, bưởi Luận Vãn).</li> <li>- Đào tạo kỹ thuật viên, tổ chức tập huấn và hội nghị đầu bờ.</li> </ul>	<p>suất cao hơn so với giống bưởi đang trồng đại trà &gt; 10%.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 09 ha mô hình ghép cải tạo các giống bưởi (bưởi Thờ, bưởi đường Xuân Vân, bưởi Luận Vãn) cây sinh trưởng phát triển tốt, tỷ lệ ghép thành công &gt; 80% năng suất cao hơn so với giống bưởi đang trồng đại trà &gt; 10%.</li> <li>- 02 quy trình trồng mới và quy trình ghép cải tạo một số giống bưởi (bưởi Thờ, bưởi đường Xuân Vân, bưởi Luận Vãn).</li> <li>- Đào tạo kỹ thuật viên, tổ chức tập huấn và hội nghị đầu bờ.</li> <li>- Báo cáo kết quả dự án (Báo cáo tổng hợp và Báo cáo tóm tắt)</li> </ul>		
--	---	---	---	--	--

6	<p><b>Đề tài:</b> Nghiên cứu bảo tồn nguồn gen loài lim xanh (<i>Erythrophleum fordii</i>) trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.</p>	<p>Giao trực tiếp Ban Quản lý bảo tồn Tây Yên Tử</p>	<p><b>* Mục tiêu</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá một số đặc điểm lâm học và đa dạng di truyền nguồn gen loài lim xanh tại tỉnh Bắc Giang</li> <li>- Tuyển chọn 40-50 cây lim xanh đủ tiêu chuẩn công nhận cây trội làm nguồn giống phục vụ công tác bảo tồn và phát triển nguồn gen loài lim xanh tại tỉnh Bắc Giang.</li> <li>- Xây dựng mô hình vườn ươm nhân giống cây lim xanh bằng phương pháp ươm từ hạt quy mô 700m<sup>2</sup>, sản xuất được 5.000 cây đạt tiêu chuẩn xuất vườn.</li> <li>- Xây dựng mô hình bảo tồn loài lim xanh quy mô 10 ha tại phân khu phục hồi sinh thái thuộc rừng đặc dụng Khu bảo tồn thiên nhiên Tây Yên Tử.</li> </ul> <p><b>* Nội dung</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá đặc điểm lâm học và đa dạng di truyền nguồn gen cây lim xanh tại Bắc Giang.</li> <li>- Tuyển chọn 40-50 cây lim xanh đủ tiêu chuẩn công nhận cây trội làm nguồn giống phục vụ công tác bảo tồn và phát triển nguồn gen loài lim xanh tại tỉnh Bắc Giang.</li> <li>- Xây dựng mô hình vườn ươm nhân giống cây lim xanh bằng phương pháp ươm từ hạt quy mô 700m<sup>2</sup>, sản xuất được 5.000 cây đạt tiêu chuẩn xuất vườn.</li> <li>- Hoàn thiện quy trình nhân giống cây lim xanh bằng hạt tại tỉnh Bắc Giang.</li> <li>- Xây dựng mô hình bảo tồn nguồn gen loài</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả điều tra đánh giá một số đặc điểm lâm học loài lim xanh tại Bắc Giang.</li> <li>- Bộ tư liệu về giải mã nguồn gen và báo cáo đánh giá đánh giá đa dạng di truyền nguồn gen loài lim xanh tại tỉnh Bắc Giang.</li> <li>- Tuyển chọn 40-50 cây lim xanh đủ tiêu chuẩn công nhận cây trội làm nguồn giống.</li> <li>- Mô hình vườn ươm nhân giống cây lim xanh bằng phương pháp ươm từ hạt quy mô 700m<sup>2</sup> sản xuất được 5.000 cây đạt tiêu chuẩn xuất vườn.</li> <li>- Mô hình bảo tồn nguồn gen loài lim xanh quy mô 10 ha tại phân khu phục hồi sinh thái thuộc rừng đặc dụng Khu bảo tồn thiên nhiên Tây Yên Tử. Trong đó 05 ha trồng thuần mật độ 600 cây/ha và 05 ha khoanh nuôi xúc tiến tái sinh có trồng bổ sung mật độ 200 cây/ha, tỷ lệ sống đạt tối thiểu 85%.</li> <li>- Quy trình nhân giống Lim xanh bằng hạt tại tỉnh Bắc Giang.</li> <li>- Quy trình trồng và chăm sóc cây lim xanh giai đoạn kiến</li> </ul>	36 tháng	2.500
---	---	--	--	--	----------	-------

			<p>lim xanh quy mô 10 ha tại phân khu phục hồi sinh thái thuộc rừng đặc dụng Khu bảo tồn thiên nhiên Tây Yên Tử. Trong đó 05 ha trồng thuần mật độ 600 cây/ha và 05 ha khoanh nuôi xúc tiến tái sinh có trồng bổ sung mật độ 200 cây/ha.</p> <p>- Hoàn thiện quy trình trồng và chăm sóc cây lim xanh kiến thiết cơ bản tại tỉnh Bắc Giang.</p> <p>- Tổ chức đào tạo kỹ thuật viên, tập huấn kỹ thuật nhân giống, trồng và chăm sóc cây lim xanh tại tỉnh Bắc Giang.</p>	<p>thiết cơ bản tại tỉnh Bắc Giang</p> <p>- Tổ chức đào tạo kỹ thuật viên, các lớp tập huấn kỹ thuật.</p> <p>- Báo cáo kết quả đề tài (Báo cáo tổng hợp và Báo cáo tóm tắt)</p>		
7	<p><b>Đề tài:</b> Nghiên cứu đặc điểm dịch tễ và biện pháp phòng chống bệnh Viêm da nổi cục ở trâu, bò trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.</p>	<p>Giao trực tiếp Trường Đại học Nông lâm Bắc Giang</p>	<p><b>* Mục tiêu:</b></p> <p>- Xác định được chủng virus gây bệnh và sự lưu hành của vi rút gây bệnh Viêm da nổi cục ở trâu, bò trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;</p> <p>- Nghiên cứu đặc điểm dịch tễ và các yếu tố trung gian làm phát sinh, lây lan dịch bệnh Viêm da nổi cục ở trâu, bò trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;</p> <p>- Nghiên cứu đề xuất các giải pháp phòng, chống có hiệu quả không chế, kiểm soát dịch bệnh Viêm da nổi cục ở trâu, bò trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;</p> <p>- Xây dựng thành công mô hình chăn nuôi trâu, bò an toàn dịch bệnh phòng chống bệnh Viêm da nổi cục phù hợp với điều kiện chăn nuôi tại tỉnh Bắc Giang.</p> <p><b>* Nội dung:</b></p> <p>- Nghiên cứu chủng virus gây bệnh và sự lưu hành của virus gây bệnh Viêm da nổi cục ở trâu, bò trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.</p>	<p>- Báo cáo kết quả giải trình tự gen, đặc tính sinh học phân tử của chủng vi rút gây bệnh Viêm da nổi cục ở trâu, bò trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;</p> <p>- Báo cáo phân tích kết quả xác định sự lưu hành vi rút gây bệnh Viêm da nổi cục ở trâu, bò trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;</p> <p>- Báo cáo tổng hợp, phân tích kết quả điều tra tình hình dịch bệnh viêm da nổi cục ở trâu, bò trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;</p> <p>- 01 Bản đồ dịch tễ về sự phân bố vi rút gây bệnh Viêm da nổi cục ở trâu, bò tại tỉnh Bắc Giang;</p> <p>- Báo cáo phân tích đánh giá hiệu quả sử dụng các loại vaksin phòng bệnh Viêm da nổi cục ở</p>	24 tháng	1.200

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu đặc điểm dịch tễ bệnh Viêm da nổi cục ở trâu, bò trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.</li> <li>- Nghiên cứu đề xuất các giải pháp phòng chống bệnh Viêm da nổi cục ở trâu, bò trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.</li> <li>- Xây dựng mô hình chăn nuôi trâu, bò an toàn dịch bệnh phòng chống bệnh Viêm da nổi cục.</li> <li>- Đào tạo, hội nghị, hội thảo và tập huấn kỹ thuật .</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>trâu, bò trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;</li> <li>- 01 quy trình phòng bệnh Viêm da nổi cục cho trâu, bò;</li> <li>- 03 phác đồ điều trị trâu, bò mắc bệnh viêm da nổi cục;</li> <li>- Hoàn thiện quy trình kỹ thuật chăn nuôi trâu, bò an toàn dịch bệnh phòng chống bệnh Viêm da nổi cục;</li> <li>- 01 Mô hình chăn nuôi trâu, bò an toàn dịch bệnh phòng chống bệnh Viêm da nổi cục;</li> <li>- Các chuyên đề nghiên cứu;</li> <li>- Hồ sơ các hội thảo khoa học;</li> <li>- Đào tạo kỹ thuật viên, tập huấn kỹ thuật, hội nghị thảo khoa học và hội nghị đầu bờ;</li> <li>- Các sản phẩm khác: Mẫu phiếu điều tra; phiếu điều tra; phiếu kết quả phân tích; Báo cáo kết quả đề tài (Báo cáo tổng hợp và Báo cáo tóm tắt).</li> </ul>		
8	<b>Đề tài:</b> Nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ để cải tạo và phát triển đàn dê lai trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	Tuyển chọn	<p><b>* Mục tiêu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu và chuyển giao kỹ thuật phân ly giới tính tinh trùng và đông lạnh tinh để sản xuất tinh dê Boer đông lạnh hướng giới tính đực và cái, đạt tỷ lệ giới tính phân ly <math>\geq 70\%</math>.</li> <li>- Nghiên cứu và chuyển giao kỹ thuật gây động dục đồng loạt và chủ động trên đàn dê cái</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 02 quy trình kỹ thuật phân ly giới tính tinh dê Boer (tinh dê hướng đực và tinh dê hướng cái);</li> <li>- Tiếp nhận chuyển giao các quy trình kỹ thuật: Gây động dục đồng loạt và chủ động trên dê; Thụ tinh nhân tạo cho dê;</li> </ul>	24 tháng	3.000

			<p>nền của địa phương kết hợp với kỹ thuật thụ tinh nhân tạo sử dụng tinh dê Boer đông lạnh phân ly giới tính hướng đực và hướng cái, đạt tỷ lệ động dục đồng loạt <math>\geq 65\%</math>, tỷ lệ thụ thai <math>\geq 60\%</math>, tỷ lệ đẻ <math>\geq 80\%</math>, đạt tỷ lệ giới tính phân ly <math>\geq 70\%</math>.</p> <p>- Xây dựng 02 mô hình chăn nuôi dê sinh sản sử dụng tinh dê Boer phân ly giới tính và các kỹ thuật về sinh sản để tạo ra con dê lai năng suất, chất lượng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.</p> <p><b>* Nội dung:</b></p> <p>- Nghiên cứu và chuyển giao kỹ thuật phân ly giới tính tinh trùng và đông lạnh tinh dê Boer.</p> <p>- Sản xuất tinh dê Boer đông lạnh hướng giới tính đực và cái.</p> <p>- Nghiên cứu và chuyển giao kỹ thuật gây động dục đồng loạt và chủ động trên đàn dê cái nền của địa phương kết hợp với kỹ thuật thụ tinh nhân tạo sử dụng tinh dê Boer đông lạnh phân ly giới tính hướng đực và hướng cái.</p> <p>- Xây dựng mô hình chăn nuôi dê sinh sản sử dụng tinh dê Boer phân ly giới tính và áp dụng các kỹ thuật sinh sản để cải tạo, nâng cao năng suất chất lượng đàn dê lai.</p> <p>- Đào tạo, hội nghị, hội thảo và tập huấn kỹ thuật.</p>	<p>- 3.000 liều tinh dê Boer phân ly giới tính dạng cọng rạ (1.500 liều tinh dê hướng đực và 1.500 liều tinh dê hướng cái), với tỷ lệ phân ly giới tính đạt <math>\geq 70\%</math>;</p> <p>- Mô hình chăn nuôi dê sinh sản sử dụng tinh dê Boer phân ly giới tính hướng đực với quy mô 400 cái nền, tỷ lệ thụ thai đạt <math>\geq 60\%</math>, tỷ lệ đẻ <math>\geq 80\%</math> và tỷ lệ dê đực lai sinh ra <math>\geq 70\%</math>, tăng năng suất 5-10%;</p> <p>- Mô hình chăn nuôi dê sinh sản sử dụng tinh dê Boer phân ly giới tính hướng cái với quy mô 400 cái nền, tỷ lệ thụ thai đạt <math>\geq 60\%</math>, tỷ lệ đẻ <math>\geq 80\%</math> và tỷ lệ dê cái lai sinh ra <math>\geq 70\%</math>, tăng năng suất 5-10%;</p> <p>- Các chuyên đề nghiên cứu;</p> <p>- Hồ sơ các hội thảo khoa học;</p> <p>- Đào tạo 10 kỹ thuật viên cơ sở;</p> <p>- Tập huấn kỹ thuật cho 100 lượt người dân;</p> <p>- Các sản phẩm khác: phiếu kết quả phân tích;</p> <p>- Báo cáo tổng kết đề tài (Báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt).</p>		
--	--	--	--	---	--	--

<b>III Lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn</b>						
9	<b>Đề tài:</b> Nghiên cứu biên soạn sách Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bắc Giang tập III (2005-2020)	Giao trực tiếp Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy	<p><b>* Mục tiêu</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu hệ thống hóa các tài liệu, tư liệu về quá trình lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh Bắc Giang từ năm 2005 đến năm 2020.</li> <li>- Tổng kết sự lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện các lĩnh vực công tác của Đảng bộ tỉnh Bắc Giang từ năm 2005 đến năm 2020. Rút ra một số kinh nghiệm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh Bắc Giang.</li> <li>- Biên soạn sách Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bắc Giang tập III (giai đoạn 2005-2020)</li> </ul> <p><b>* Nội dung</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu hệ thống hóa các tài liệu, tư liệu về quá trình lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2005-2020</li> <li>- Nghiên cứu tổng kết sự lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện các lĩnh vực công tác của Đảng bộ tỉnh Bắc Giang từ năm 2005 đến năm 2020.</li> <li>- Nghiên cứu tổng kết một số bài học kinh nghiệm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh Bắc Giang.</li> <li>- Biên soạn sách Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bắc Giang, tập III (giai đoạn 2005-2020).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản số hóa các tài liệu, hình ảnh về quá trình lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh và kết quả thực hiện trên các lĩnh vực.</li> <li>- Các chuyên đề nghiên cứu khoa học</li> <li>- Kỷ yếu các hội thảo khoa học</li> <li>- Bản thảo sách Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bắc Giang, tập III (2005-2020)</li> <li>- Các sản phẩm khác: phiếu điều tra, báo cáo tổng hợp kết quả điều tra.</li> <li>- Báo cáo kết quả đề tài (Báo cáo tổng hợp và Báo cáo tóm tắt)</li> </ul>	18 tháng	600
10	<b>Đề tài:</b> Bảo tồn giá trị văn hóa dân tộc Nùng, Dao phục vụ xây dựng mô hình làng	Giao trực tiếp Trung tâm Thông tin và Xúc tiến Du	<p><b>* Mục tiêu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu, đánh giá thực trạng bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống dân tộc Nùng, Dao huyện Lục Ngạn, Sơn Động.</li> <li>- Nghiên cứu xây dựng mô hình làng văn hóa du</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mô hình làng văn hóa du lịch dân tộc Dao huyện Sơn Động</li> <li>- Mô hình làng văn hóa du lịch dân tộc Nùng huyện Lục Ngạn</li> <li>- Các chuyên đề nghiên cứu</li> </ul>	24 tháng	2.000

	văn hóa du lịch ở huyện Lục Ngạn, Sơn Động góp phần phát triển du lịch tỉnh Bắc Giang	lịch tỉnh Bắc Giang	<p>lịch dân tộc Nùng, Dao tại huyện Lục Ngạn, Sơn Động</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề xuất giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa dân tộc Nùng, Dao phục vụ xây dựng mô hình làng văn hóa du lịch ở huyện Lục Ngạn, Sơn Động góp phần phát triển du lịch tỉnh Bắc Giang.</li> </ul> <p><b>* Nội dung:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu, đánh giá thực trạng bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống dân tộc Nùng, Dao huyện Lục Ngạn, Sơn Động.</li> <li>- Nghiên cứu xây dựng mô hình làng văn hóa du lịch dân tộc Dao tại tổ dân phố Mậu, thị trấn Tây Yên Tử, huyện Sơn Động.</li> <li>- Nghiên cứu xây dựng mô hình làng văn hóa du lịch dân tộc Nùng tại thôn Bắc Hoa, xã Tân Sơn, huyện Lục Ngạn</li> <li>- Đề xuất giải pháp bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống dân tộc Nùng, Dao phục vụ xây dựng mô hình làng văn hóa du lịch ở huyện Lục Ngạn, Sơn Động góp phần phát triển du lịch tỉnh Bắc Giang.</li> </ul>	<p>khoa học</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kỷ yếu các hội thảo khoa học</li> <li>- Báo cáo đề xuất giải pháp bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống dân tộc Nùng, Dao phục vụ xây dựng mô hình làng văn hóa du lịch ở huyện Lục Ngạn, Sơn Động góp phần phát triển du lịch tỉnh Bắc Giang.</li> <li>- Các sản phẩm khác: phiếu điều tra, báo cáo kết quả điều tra</li> <li>- Báo cáo kết quả đề tài (Báo cáo tổng hợp và Báo cáo tóm tắt)</li> </ul>		
11	<b>Đề tài:</b> Nghiên cứu đề xuất mô hình quản lý, khai thác giá trị di tích đền thờ Tiến sĩ Thân Nhân Trung thị trấn Nénh, huyện Việt Yên trong phát	Giao trực tiếp Bảo tàng tỉnh Bắc Giang	<p><b>* Mục tiêu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu xây dựng mô hình quản lý, khai thác giá trị di tích đền thờ Tiến sĩ Thân Nhân Trung, thị trấn Nénh, huyện Việt Yên</li> <li>- Đề xuất giải pháp khai thác giá trị di tích đền thờ Tiến sĩ Thân Nhân Trung, thị trấn Nénh, huyện Việt Yên trong phát huy truyền thống hiếu học, khoa bảng, phát triển giáo dục của tỉnh Bắc Giang hiện nay</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các chuyên đề nghiên cứu khoa học</li> <li>- Kỷ yếu các hội thảo khoa học</li> <li>- Mô hình quản lý, khai thác giá trị di tích đền thờ Tiến sĩ Thân Nhân Trung</li> <li>- Văn bản đề xuất giải pháp khai thác giá trị di tích đền thờ Tiến sĩ Thân Nhân Trung, thị</li> </ul>	18 tháng	500



	huy truyền thống hiếu học, khoa bảng, phát triển giáo dục của tỉnh Bắc Giang hiện nay.		<p><b>* Nội dung:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu đánh giá thực trạng quản lý và khai thác giá trị di tích đền thờ Tiên sĩ Thân Nhân Trung, thị trấn Nénh, huyện Việt Yên</li> <li>- Nghiên cứu xây dựng mô hình quản lý, khai thác giá trị di tích đền thờ Tiên sĩ Thân Nhân Trung, thị trấn Nénh, huyện Việt Yên</li> <li>- Đề xuất giải pháp khai thác giá trị di tích đền thờ Tiên sĩ Thân Nhân Trung, thị trấn Nénh, huyện Việt Yên trong phát huy truyền thống hiếu học, khoa bảng, phát triển giáo dục của tỉnh Bắc Giang hiện nay</li> </ul>	<p>trấn Nénh, huyện Việt Yên trong phát huy truyền thống hiếu học, khoa bảng, phát triển giáo dục của tỉnh Bắc Giang hiện nay.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả đề tài (Báo cáo tổng hợp và Báo cáo tóm tắt)</li> </ul>		
	<b>Tổng</b>					<b>21.450</b>